**TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN**

**TỔ NGỮ VĂN**

**MÔN NGỮ VĂN KHỐI 9**

**BÀI 8**

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**SỰ KHÁC BIỆT VỀ NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT**

**DỄ GÂY NHẦM LẪN**

**I. Tri thức tiếng Việt**

- Hiện tượng đồng âm khác nghĩa và đa nghĩa khá phổ biến trong các yếu tố Hán Việt, vì vậy, khi sử dụng từ Hán Việt, cần phân biệt được các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa, nhận biết được các nghĩa của cùng một yếu tố Hán Việt đa nghĩa.

- Ví dụ:

**Đồng**

**+** Sinh thời, Bác Hồ rất yêu thương và đặt sự kì vọng ở thiếu niên nhi đồng

+ Vợ chồng nếu đồng cam cộng khổ sẽ vượt qua được mọi khó khăn thử thách.

**Kì**

+ Động Phong Nha là món quà kì diệu mà tạo hóa ban tặng.

+ Kì thị vùng miền là việc tuyệt đối nên tránh

**Minh**

+ Nguyễn Trãi đã được Lê Thánh Tông minh oan.

+ Thúy Kiều phải gác lại lời thệ hải minh sơn để làm tròn chữ hiếu.

**\* Cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn:**

**1. Dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để suy luận.**

Ví dụ: di cư – di sản

+ Yếu tố di trong di cư là chuyển đến nơi khác để sinh sống.

+ Yếu tố di trong di sản là tài sản của người đã mất để lại.

**2. Tra cứu từ điển**: tìm hiểu cách giải nghĩa từng yếu tố kèm theo một số ví dụ về từ được từ điển nêu ra sẽ giúp ta nằm được nghĩa của yếu tố một cách chính xác.

II. Luyện tập:

**Bài tập 1:**

**-** *“đồng”* (chữ Hán viết “同”), có nghĩa “cùng, cùng nhau”.

- “*đồng*” (chữ Hán viết “童”), có nghĩa “đứa trẻ”.

**Bài tập 2:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghĩa**  **Từ ngữ** | **Không**  **tầm thường,**  **lạ lùng** | **khác nhau, sai biệt** | **kì hạn, thời gian** | **địa giới, cõi** | **lá cờ** |
| *kì công* | X |  |  |  |  |
| *quân kì* |  |  |  |  | X |
| *học kì* |  |  | X |  |  |
| *kì thị* |  | X |  |  |  |
| *Trung Kì (Kỳ)* |  |  |  | X |  |

**Bài tập 3:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghĩa**  **Từ ngữ** | **sáng** | **làm cho rõ** | **sáng suốt** | **thề** | **ghi nhớ không quên** |
| *khắc cốt minh tâm* |  |  |  |  | X |
| *minh châu* | X |  |  |  |  |
| *biện minh* |  | X |  |  |  |
| *thệ hải minh sơn* |  |  |  | X |  |
| *minh mân* |  |  | X |  |  |

-Yếu tố Hán Việt “*minh*” trong “*minh châu, biện minh, minh mẫn*” là yếu tố Hán Việt đa nghĩa với các nghĩa: “sáng; làm cho rõ; sáng suốt”.

- Yếu tố “*minh*” trong “*thệ hải minh sơn* và yếu tố “*minh*” trong “*khắc cốt minh tâm*” là các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa.

**Bài tập 4:** Giải thích các từ ngữ Hán Việt:

*- Bình minh:* là lúc trời vừa hửng sáng, còn gọi là rạng đông hay hừng đông. “Minh” ở đây mang nghĩa “sáng”.

*- Văn minh:* là trạng thái tiến bộ về cả vật chất lẫn tinh thần của xã hội loài người, tức là trạng thái phát triển cao của nền văn hoá. “Minh” ở đây mang nghĩa “sáng”.

*- Hắc bạch phân minh:* “hắc” nghĩa là “đen”, “bạch” nghĩa là “trắng”, “phân” nghĩa là “phân biệt, phân định”, “minh” ở đây mang nghĩa “làm cho rõ”. Như vậy, “hắc bạch phân minh” được hiểu là “phân biệt cho rõ trắng đen”.

**Bài tập 5:** Phân biệt ý nghĩa các cặp từ Hán Việt:

*- Tương đồng/ đồng thời:* Cặp từ này mỗi từ đều mang yếu tố “đồng” có nghĩa “cùng, cùng nhau”. “Tương đồng” nghĩa là “giống nhau”, “đồng thời” nghĩa là “cùng một lúc”.

*- Đồng thoại/ đồng dao:* Cặp từ này mỗi từ đều mang yếu tố “đồng” có nghĩa “đứa trẻ”. “Đồng thoại” để chỉ truyện viết cho trẻ em nói chung, “đồng dao” để chỉ những bài hát, thơ ca dân gian truyền miệng của trẻ em.

*- Đồng bệnh tương lân/ đồng cam cộng khổ:* Cặp từ ngữ này mỗi từ đều mang yếu tố “đồng” có nghĩa “cùng, cùng nhau”. “Đồng bệnh tương lân” (hay “đồng bệnh

ương liên”) có nghĩa đen là “cùng có bệnh (giống nhau) thì thương xót lẫn nhau”, nghĩa bóng là khi người ta ở cùng một hoàn cảnh giống nhau thì người ta thông cảm với nhau, hiểu cho nhau. “Đồng cam cộng khổ” có nghĩa đen là “cùng hưởng vị ngọt, cùng nếm vị đắng”, nói rộng ra là khi vui sướng cũng như lúc khó khăn đều luôn cận kề sát cánh, chia sẻ cùng nhau, trong mọi hoàn cảnh đều có nhau.

**BÀI 8**

**NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. Tri thức về kiểu bài**

- Khái niệm: Phân tích một tác phẩm văn học (nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó) thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.

- Bố cục bài viết cần đảm bảo:

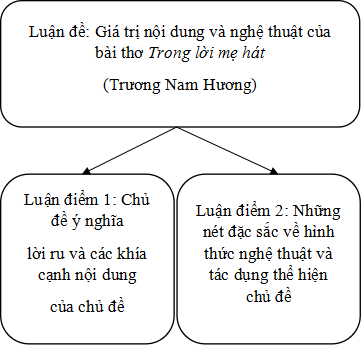
+ Mở bài: giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

+ Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.

+ Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.

II. **Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**Câu 1:**



**Câu 2:** Cách VB phân tích các khía cạnh nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật: Với luận điểm về chủ đề của tác phẩm, đầu tiên, người viết nêu chủ đề và một số căn cứ để xác định chủ đề. Sau đó, người viết lần lượt phân tích, làm rõ từng khía cạnh nội dung của chủ đề bằng cách đưa ra các lí lẽ và bằng chứng lấy từ tác phẩm. Tương tự, với luận điểm những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật, người viết cũng sử dụng lí lẽ và bằng chứng lấy từ tác phẩm để phân tích, đánh giá hiệu quả thẩm mĩ của hai nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ là hình ảnh thơ và âm hưởng toàn bài thơ.

**Câu 3:** Về cơ bản, kiểu bài phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc nghệ thuật của một tác phẩm thơ khác với tác phẩm truyện ở chỗ đặc điểm hình thức của thể loại. Đối với thơ, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật thể hiện ở **từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,..**.; còn đối với truyện là cốt truyện, tình huống, nhân vật, ngôi kể, sự việc, chi tiết nghệ thuật,.

**Câu 4:** HS trả lời câu hỏi dựa trên trải nghiệm cá nhân.

Gợi ý: Khi viết bài bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ, cần chú ý phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

Đề bài: [Hãy viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích, làm rõ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/hay-viet-bai-van-nghi-luan-phan-tich-mot-bai-tho-ma-em-yeu-thich.jsp)

**Bước 1: Tìm ý**

**-** Bài thơ em lựa chọn

-Thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm (nếu có) và những thông tin khác có liên quan.

- Chủ đề của bài thơ

- Những nét nghệ thuật đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng

**Bước 2: Lập dàn ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nhiệm vụ** | **Áp dụng vào đề tài của em** |
| **Mở bài** | Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả |  |
|  | Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật) |  |
| **Thân bài** | Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm |  |
|  | Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các một vài khía cạnh nội dung chủ đề |  |
|  | Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật |  |
|  | Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm |  |
| **Kết bài** | Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm |  |
|  | Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |  |

**Bước 3: Viết bài**

Triển khai bài viết dựa trên dàn ý.

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm